

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/DSPT

Ngày 25 - 7 - 2018

V/v tranh chấp “Bồi thường thiệt hại theo
hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lương

Các Thẩm phán:

Bà Võ Phương Nhi

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 và 25 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Bồi thường thiệt hại theo hợp đồng thuê tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DSST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận P, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 190/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị A**; Trú tại: đường D, phường B, quận P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Ngô Văn T**; Trú tại: đường T, phường C, quận P, thành phố Cần Thơ; (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017)

- Bị đơn: Ông **Võ Văn B**; Trú tại: đường S, phường H, quận P, Tp. Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Văn H**; Trú tại: đường K, phường A, quận P, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2018).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Nguyễn Thị K** - Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C; Trú tại: phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Vũ Văn S**; Trú tại: Thôn 9, xã A, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018 - Ông S có đơn ngày 16/7/2018 xin xét xử vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn D**; Trú tại: đường N, phường H, quận P, thành phố Cần Thơ (Có đơn ngày 27/6/2018 xin xét xử vắng mặt).

3. Ông **Đinh Văn E**; Trú tại: đường N, khu vực 3, phường A, quận P, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Ông **Võ Văn B** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày: Bà là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 65A 091.79, bà ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D ký hợp đồng ngày 28/9/2016 để cho ông Võ Văn B thuê chiếc xe này, nội dung hợp đồng đã nêu bên thuê không được tự ý cho bên thứ ba thuê sử dụng nhưng ông B đã cho ông Nguyễn Văn C thuê lại chiếc xe này. Ngày 14/10/2016 ông C điều khiển xe gây tai nạn, lỗi thuộc về ông C do điều khiển xe không đúng làn đường quy định và không có giấy phép lái xe, nên Công ty Bảo hiểm N đã từ chối thanh toán tiền bảo hiểm cho bà. Nên bà khởi kiện yêu cầu ông B và ông C phải bồi thường chi phí sửa chữa xe là 641.668.971 đồng, sau đó bà đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông C.

Bị đơn ông Võ Văn B trình bày: Ông đã ký hợp đồng thuê chiếc xe nói trên với ông Nguyễn Văn D, do ông là người làm dịch vụ nên khi thuê xe có nói là để cho thuê lại, ông không quen biết bà Trần Thị A, ông ký hợp đồng trên sau khi đã xảy ra tai nạn. Vào ngày 26/09/2016 ông giao xe ô tô trên cho ông Đinh Văn E thuê, sau đó ông E giao xe lại cho ông C sử dụng, ông hoàn toàn không quen biết ông C nhưng do ông E giới thiệu nên ông tin tưởng giao xe. Đến ngày 14/10/2016 ông C điều khiển xe gây tai nạn, theo báo giá tổng chi phí sửa xe là 434.810.050 đồng nên ông đồng ý cùng với ông E liên đới bồi thường số tiền này cho bà A.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông **Nguyễn Văn D**: Ông được sự ủy quyền của bà Trần Thị A ký hợp đồng cho ông Võ Văn B thuê chiếc xe nói trên, hai bên ký hợp đồng lúc giao xe trước khi xảy ra tai nạn, ông không biết và không giao dịch với ông Nguyễn Văn C, nên số tiền sửa xe phía ông B và ông C phải chịu trách nhiệm.

- Ông **Đinh Văn E**: Ông liên hệ với ông Võ Văn B để thuê xe cho ông Nguyễn Văn C sử dụng, toàn bộ quá trình khi giao, nhận xe và trả tiền thuê xe là do ông B với ông C trực tiếp giao dịch. Khoảng nửa tháng sau, ông B có nhờ ông ký hợp đồng cho thuê xe để báo cáo thuế, lúc này ông cũng đồng ý. Khi xử lý xe sau tai nạn ông không tham gia nên không đồng ý bồi thường theo trình bày trên của bị đơn.

- Ông **Nguyễn Văn C có đại diện ông Vũ Văn S**: Ông Nguyễn Văn C đã sử dụng chiếc xe ô tô nói trên gây tai nạn gây hư hỏng xe, nên ông đồng ý chi trả một phần tiền sửa xe cho bà Trần Thị A nhưng ông không đồng ý chi trả theo số tiền mà bà A yêu cầu vì số tiền này không phản ánh đúng thực tế thiệt hại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân quận P, thành phố Cần Thơ đã tuyên:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C bồi thường thiệt hại - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà

Trần Thị A - Buộc bị đơn ông Võ Văn B có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 641.668.971 đồng. Ngoài ra còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tiền khi thi hành bản án, chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/02/2018, ông Võ Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên, đề nghị sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông Đinh Văn E và ông Nguyễn Văn C phải bồi thường cho nguyên đơn vì trách nhiệm bồi hoàn thuộc về ông E và ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn trình bày đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vì hợp đồng thuê xe đã ký kết ngày 28/9/2016 giữa ông Nguyễn Văn D với bị đơn ông Võ Văn B là không có giá trị pháp lý do hợp đồng này không được công chứng, ông D và ông B không phải chủ xe, nội dung hợp đồng không ghi nhận chủ xe là bà Trần Thị A ủy quyền cho ông D ký kết nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, thời hạn cho thuê ghi trong hợp đồng là 01 tháng nhưng tại bút ký phiên tòa sơ thẩm phía bà A trình bày là 10 tháng, hợp đồng này có trước ghi ngày 28/9/2016 nhưng sau đó khi ông B cho ông Đinh Văn E thuê lại thì hợp đồng này ghi ngày 26/9/2016 chứng tỏ việc bị đơn ông B trình bày ông ký hợp đồng trên với ông D tại thời điểm sau khi xảy ra tai nạn xe là có cơ sở. Sau khi xảy ra tai nạn thì bà A đã có bản cam kết về việc bồi thường với ông C là người trực tiếp điều khiển xe, nên việc bồi thường cho bà A là thuộc trách nhiệm của ông C và nội dung cam kết này chưa được làm rõ, trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn chưa được hướng dẫn về yêu cầu phản tố buộc ông C phải bồi thường. Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa chính xác. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thống nhất theo trình bày trên của luật sư, không chấp nhận bồi thường cho bà A.

Người đại diện của nguyên đơn trình bày theo hợp đồng đã ký kết, do bị đơn vi phạm hợp đồng cho người thứ ba thuê lại xe, hợp đồng này không bắt buộc phải có công chứng nên đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông Đinh Văn E trình bày, trong vụ án này ông C trực tiếp gây tai nạn nên phải có trách nhiệm bồi thường nhiều nhất cho bà A. Do ông là người đã ký hợp đồng thuê xe với ông B nên ông cũng có trách nhiệm trong vụ này.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày, những người tiến hành tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung kháng cáo, căn cứ hợp đồng ngày 29/8/2016 thì bị đơn đã vi phạm do cho người khác thuê lại xe sử dụng mà phía chủ xe không biết, người điều khiển xe có lỗi gây tai nạn và không được cơ quan bảo hiểm bồi thường, nên bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường chi phí sửa xe như đã giám định. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là người thuê xe phải trả tiền sửa xe. Các đương sự Vũ Văn S đại diện cho Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án thụ lý, giải quyết về tranh chấp bồi thường thiệt

hại theo hợp đồng thuê tài sản và xét xử vắng các đương sự nói trên là đúng quy định tại Điều 26 và khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phía bị đơn cho rằng hình thức và nội dung của hợp đồng thuê xe ngày 28/9/2016 giữa bị đơn với ông Nguyễn Văn D không có giá trị pháp lý, thì theo quy định tại các Điều 480 đến 491 Bộ luật dân sự năm 2005 thì loại hợp đồng này không bắt buộc phải được công chứng, bà A đã có văn bản ủy quyền cho ông D ký kết hợp đồng, trên thực tế đã giao xe cho ông B sử dụng, ông B là người làm dịch vụ cho thuê xe nên ông cho rằng ông ký hợp đồng này sau khi tai nạn xảy ra và khi ký không đọc kỹ nội dung hợp đồng là không có cơ sở nên hợp đồng này đã có hiệu lực từ khi ông B nhận xe sử dụng. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày đã cam kết về bồi thường xe với ông Nguyễn Văn C sau khi xảy ra tai nạn nhưng ông C không bồi thường và tại Tòa án ông Vũ Văn S đại diện của ông C đã trình bày chỉ chấp nhận trả cho bà A một phần giá trị bồi thường, do ông C là người có lỗi trực tiếp điều khiển xe gây tai nạn và cơ quan bảo hiểm không bồi thường nên bà A khởi kiện ông B phải bồi thường toàn bộ số tiền sửa xe là đúng thỏa thuận theo hợp đồng cho thuê xe nói trên. Trong quá trình hòa giải và công khai chứng cứ, phía ông B đã thống nhất với kết quả giám định xe và đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ của đương sự nên việc ông có yêu cầu phản tố buộc ông C hoặc ông E phải liên đới bồi thường là tùy thuộc vào ý chí của ông. Vì vậy, án sơ thẩm đã tuyên buộc ông B phải bồi thường toàn bộ chi phí sửa xe là đúng quy định tại Điều 487 của Bộ luật dân sự, ông B có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật yêu cầu ông E, ông C bồi thường chi phí sửa xe như đã ghi nhận tại mục [3] phần nhận định của bản án sơ thẩm. Bản án sơ thẩm còn áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đình chỉ giải quyết vụ án một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn C phải bồi thường thiệt hại.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị A.

Buộc bị đơn ông Võ Văn B có trách nhiệm bồi thường bồi thường cho nguyên đơn bà Trần Thị A số tiền là 641.668.971 đồng (Sáu trăm bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bảy mươi một đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí giám định: Ông Võ Văn B phải chịu là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà Trần Thị A được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn B phải nộp 29.666.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Bà Trần Thị A được nhận lại 15.696.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 003423, 004520 ngày 17/02/2017 và ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, thành phố Cần Thơ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn B phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 004915 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, thành phố Cần Thơ. Ông B đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án Q. P;
- THA.DS. Q. P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Duy Lương